

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 280/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/11/ 2022
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai;

2. Bà Nguyễn Thị Ly.

- T1 ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, là T1 ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 748/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 542/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thanh K, sinh năm 1992; địa chỉ: số 466, ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1988; địa chỉ: số 466, ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Thanh K trình bày, do được mai mối, bà K và ông T kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 22/6/2018. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 19/7/2013,

Nguyễn Thị Anh T2, sinh ngày 20/7/2015, đang được bà K chăm sóc, nuôi dưỡng; vợ chồng không yêu cầu giải quyết tài sản chung, không có nợ chung.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng T1ờng xuyên cãi vả do bất đồng quan điểm sống, ông T không tôn trọng ý kiến của bà K, ông T tự ý làm mọi việc kinh tế gia đình không thông qua bà bàn bạc với bà, bà yêu cầu được biết thì ông T không đồng ý, ông T còn cờ bạc, đá gà. Bà K có khuyên nhiều lần nhưng không được, sống chung không hạnh phúc.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông T; yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, rút lại yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện gồm: bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 138, ngày 22/6/2018 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh An Giang cấp; trích lục khai sinh của Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 19/7/2013, Nguyễn Thị Anh T2, sinh ngày 20/7/2015.

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày, sau thời gian quen biết và tìm hiểu, ông T và bà K kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 22/6/2018. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 19/7/2013, Nguyễn Thị Anh T2, sinh ngày 20/7/2015. 02 con chung đang được bà K chăm sóc, nuôi dưỡng; vợ chồng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, không có nợ chung. Trong thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn, không hiểu lý do vì sao bà K tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, ông T khuyên nhiều lần nhưng không được, bà K không đồng ý về hàn gắn. Nay bà K yêu cầu ly hôn ông không đồng ý, ông còn T1ờng vợ T1ờng con, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, ông cũng không hàn gắn tình cảm, bà K cũng không đồng ý về chung sống với ông.

Tại phiên tòa,

- Bà K trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, bà K không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ông T trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, đồng ý ly hôn với bà K, ông T không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T1 ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T1 ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà K và ông T chung sống có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà K, ông T hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét thấy, bà K yêu cầu ly hôn với ông T xuất phát từ việc sau khi kết hôn, bà K và ông T đã không có tiếng nói chung, Tìong hay mâu thuẫn, ông T không tôn trọng ý kiến của bà K, 02 bên cũng đã không còn chung sống với nhau khoảng 03 tháng nay, mâu thuẫn vợ chồng do bà K trình bày ông T không thừa nhận, tuy nhiên tại phiên tòa ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà K. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà K và ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 19/7/2013, Nguyễn Thị Anh T2, sinh ngày 20/7/2015, đang sống với bà K. Bà K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Đồng thời, cháu T1, T2 cũng có nguyện vọng sống chung với bà K nên cần ổn định cuộc sống cho cháu, tiếp tục giao 02 cháu T1, T2 cho bà K chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Phan Thị Thanh K rút lại yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên đình chỉ yêu cầu này.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà K, ông T không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Phan Thị Thanh K khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T. Đồng thời, ông T cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà K và ông T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà K, ông T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà K xác định, trong quá trình chung sống, vợ chồng Tìong xuyên cãi vả do ông T không tôn trọng ý kiến của bà K, ông T tự ý làm mọi việc kinh tế gia đình không thông qua bà bàn bạc với bà, bà yêu cầu được biết thì ông T không đồng ý, ông T còn cờ bạc, đá gà và không còn sống chung khoảng 03 tháng nay. Cho nên, bà K yêu cầu được ly hôn với ông T.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa, bà K khẳng định không còn tình cảm với ông T, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc không có tiếng nói chung, ông T không tôn trọng ý kiến của bà K, ông T tự ý làm mọi việc kinh tế gia đình không thông qua bà bàn bạc với bà, bà yêu cầu được biết thì ông T không đồng ý, khoảng hơn 03 tháng nay bà K và ông T không còn chung sống với nhau, ông T đi làm ruộng tại nhà cùng ba mẹ chồng tại xã N, huyện C, tỉnh An Giang, từ khi thụ lý vụ án, cũng như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cả bà K, ông T cũng không thể đoàn tụ, hàn gắn tình cảm được; tại phiên tòa mặc dù ông T không thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng nhưng ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà K.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà K và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc bà K yêu cầu ly hôn và ông T đồng ý là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ. Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà K và ông T.

[2.2] Về con chung: Bà K, ông T cùng thống nhất, trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 19/7/2013, Nguyễn Thị Anh T2, sinh ngày 20/7/2015. Bà K yêu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Tại phiên tòa ông T yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thị Anh T2, sinh ngày 20/7/2015, đồng ý để bà K nuôi 01 con chung tên Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 19/7/2013.

Xét thấy, 02 cháu đang được bà K chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định nếu thay đổi môi trường sống, sinh hoạt sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của 02 cháu, hơn nữa, tại các biên bản ghi nhận ý kiến con chung có sự chứng kiến của bà K và ông T, các cháu đều có ý kiến muốn sống cùng mẹ là bà K sau khi cha mẹ ly hôn. Từ khi không còn chung sống với nhau bà K và ông T đều xác định 02 con chung sống với bà K và được bà K chăm sóc tốt, đảm bảo phát triển về thể chất lẫn tinh thần. Tại Đơn xin xác nhận đủ điều kiện nuôi con của Ban nhân dân ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang là nơi ở hiện tại của bà K xác nhận, bà K có kinh tế ổn định, nhà gần trường thuận tiện cho việc học của con, nhà gần trạm y tế thuận tiện chăm sóc con khi con ốm đau, 02 con chung đều là cháu gái đang trong giai đoạn phát triển nên cần được gần gũi quan tâm chăm sóc từ người mẹ. Xét thấy việc yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung của bà K là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tại đơn khởi kiện bà K yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000 (một triệu) đồng đến khi con chung thành niên. Nay bà K rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà K và ông T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phan Thị Thanh và ông Nguyễn Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 138, ngày 22/6/2018 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Phan Thị Thanh K và ông Nguyễn Thanh T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Phan Thị Thanh K được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 19/7/2013, Nguyễn Thị Anh T2, sinh ngày 20/7/2015.

Không chấp nhận yêu cầu được nuôi 01 con chung tên Nguyễn Thị Anh T2, sinh ngày 20/7/2015 của ông Nguyễn Thanh T.

Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh Kiều yêu cầu ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Phan Thị Thanh K cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Thanh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều và ông Nguyễn Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị Thanh K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012579 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 12 tháng 10 năm 2022; bà Phan Thị Thanh K đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phan Thị Thanh K, ông Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- UBND xã N, huyện C, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Thúy